TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Châu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Huỳnh Minh Chánh.
2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh T**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải**-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Minh K**; Sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà **Trần Thị T**, Sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày:

Ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 2010 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hiểu được công việc của nhau. Ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có hai con chung tên Nguyễn Hoài Anh T1 (sinh ngày 21/9/2012) và Nguyễn Gia H (sinh ngày 28/11/2014). Ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trẻ T1 và H. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định quá trình chung sống ông và bà T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Minh K và bà Trần Thị T chung sống với nhau năm 2010, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông K yêu cầu ly hôn với bà T. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Ông K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông K là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a và b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số: 01/2012 đăng ký ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa ông K và bà T là hợp pháp.

Ông K và bà T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ tháng 5 năm 2016 đến nay, ông K và bà T sống ly thân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng không thể nào hàn gắn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông K và bà T có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoài Anh T1 (sinh ngày 21/9/2012) và Nguyễn Gia H (sinh ngày 28/11/2014). Quá trình tố tụng, bà T vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì về con chung. Ông K có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 trẻ T1 và H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, giao trẻ T1 và H cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông K không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a và b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh K đối với bà Trần Thị T. Ông Nguyễn Minh K được ly hôn với bà Trần Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số: 01/2012 đăng ký ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoài Anh T1 (sinh ngày 21/9/2012) và trẻ Nguyễn Gia H (sinh ngày 28/11/2014) cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông K không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Bà T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033164 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 09/02/2018.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2- Ông Huỳnh Minh Chánh.

Đã nghị án về vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo hồ sơ thụ lý số 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K, bị đơn bà Trần Thị T.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a và b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh K đối với bà Trần Thị T. Ông Nguyễn Minh K được ly hôn với bà Trần Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số: 01/2012 đăng ký ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoài Anh Thư (sinh ngày 21/9/2012) và trẻ Nguyễn Gia Huy (sinh ngày 28/11/2014) cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông K không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Bà T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033164 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**